**PHỤ LỤC I**

BẢNG TIÊU CHUẨN SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI LÁI XE, NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN XE MÁY CHUYÊN DÙNG  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2024/TT-BYT ngày 16 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **SỐ TT** | **CHUYÊN KHOA** | **TIÊU CHUẨN SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI LÁI XE, NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN XE MÁY CHUYÊN DÙNG**  **Người có một trong các tình trạng bệnh, tật sau đây thì không đủ điều kiện để lái xe theo các hạng xe tương ứng** | | |
| **NHÓM 1**  **Áp dụng đối với người lái xe hạng: A1, B1 và người điều khiển xe máy chuyên dùng** | **NHÓM 2**  **Áp dụng đối với người lái xe hạng: A và B** | **NHÓM 3**  **Áp dụng đối với người lái xe hạng: C1, C, D1, D2, D, BE, C1E, CE, D1E, D2E và DE** |
| 1 | TÂM THẦN | Bệnh lý tâm thần đang ở giai đoạn cấp tính hoặc đang tiến triển | Bệnh lý tâm thần đã được điều trị ổn định hoàn toàn nhưng chưa đủ 06 tháng | Bệnh lý tâm thần đã được điều trị ổn định hoàn toàn nhưng chưa đủ 24 tháng |
| 2 | THẦN KINH | Liệt vận động từ hai chi trở lên | - Động kinh còn cơn trong vòng 24 tháng gần nhất (không/có dùng thuốc điều trị);  - Liệt vận động từ hai chi trở lên;  - Hội chứng ngoại tháp;  - Rối loạn cảm giác sâu;  - Chóng mặt do các nguyên nhân bệnh lý | - Động kinh;  - Liệt vận động một chi trở lên;  - Hội chứng ngoại tháp;  - Rối loạn cảm giác nông hoặc rối loạn cảm giác sâu;  - Chóng mặt do các nguyên nhân bệnh lý |
| 3 | MẮT | - Thị lực nhìn xa bằng hai mắt: <4/10 (kể cả điều chỉnh bằng kính);  - Nếu còn một mắt, thị lực <4/10 (kể cả điều chỉnh bằng kính);  - Rối loạn nhận biết 3 màu cơ bản: đỏ, vàng, xanh lá cây; | - Thị lực nhìn xa bằng hai mắt: < 5/10 (kể cả điều chỉnh bằng kính);  - Nếu còn một mắt, thị lực <5/10 (kể cả điều chỉnh bằng kính);  - Rối loạn nhận biết 3 màu cơ bản: đỏ, vàng, xanh lá cây;  - Song thị kể cả có điều chỉnh bằng lăng kính. | - Thị lực nhìn xa từng mắt: mắt tốt < 8/10 hoặc mắt kém <5/10 (kể cả điều chỉnh bằng kính);  - Tật khúc xạ có số kính: > + 5 diop hoặc > - 8 diop;  - Thị trường ngang hai mắt (chiều mũi - thái dương): < 160° mở rộng về bên phải < 70°, mở rộng về bên trái < 70°;  - Thị trường đứng (chiều trên-dưới) trên dưới đường ngang <30°;  - Bán manh, ám điểm góc;  - Rối loạn nhận biết 3 màu cơ bản: đỏ, vàng, xanh lá cây;  - Song thị;  - Các bệnh chói sáng;  - Giảm thị lực lúc chập tối (quáng gà). |
| 4 | TAI - MŨI -HỌNG |  |  | Thính lực ở tai tốt hơn:  - Nói thường < 4m (kể cả sử dụng máy trợ thính)  - Hoặc nghe tiếng nói thầm tối thiểu (ở tai tốt hơn) < 0,4 m (kể cả sử dụng máy trợ thính). |
| 5 | TIM MẠCH |  | - Block nhĩ thất độ II hoặc có nhịp chậm kèm theo các triệu chứng lâm sàng (kể cả đã được điều trị nhưng không ổn định);  - Suy tim độ III trở lên (theo phân loại của Hiệp hội tim mạch New York - NYHA) | - Bệnh tăng HA khi có điều trị mà HA tối đa ≥ 180 mmHg và/hoặc HA tối thiểu ≥ 100 mmHg;  - HA thấp (HA tối đa < 90 mmHg) kèm theo tiền sử có các triệu chứng như chóng mặt, mệt mỏi, buồn ngủ hoặc ngất xỉu;  - Các bệnh viêm tắc mạch (động-tĩnh mạch), dị dạng mạch máu biểu hiện lâm sàng ảnh hưởng đến khả năng thao tác vận hành lái xe ô tô;  - Các rối loạn nhịp: nhịp nhanh trên thất, nhịp nhanh thất, cuồng nhĩ, rung nhĩ, nhịp nhanh nhĩ và nhịp nhanh xoang > 120 chu kỳ/phút, đã điều trị nhưng chưa ổn định;  - Ngoại tâm thu thất ở người có bệnh tim thực tổn và/hoặc từ độ III trở lên theo phân loại của Lown;  - Block nhĩ thất độ II hoặc có nhịp chậm kèm theo các triệu chứng lâm sàng (kể cả đã được điều trị nhưng không ổn định);  - Cơn đau thắt ngực do bệnh lý mạch vành;  - Ghép tim;  - Sau can thiệp tái thông mạch vành;  - Suy tim độ II trở lên (theo phân loại của Hiệp hội tim mạch New York - NYHA). |
| 6 | HÔ HẤP |  | Các bệnh, tật gây khó thở mức độ III trở lên (theo phân loại mMRC) | - Các bệnh, tật gây khó thở mức độ II trở lên (theo phân loại mMRC);  - Hen phế quản kiểm soát một phần hoặc không kiểm soát;  - Lao phổi đang giai đoạn lây nhiễm. |
| 7 | CƠ - XƯƠNG - KHỚP | Cụt hoặc mất chức năng 01 bàn tay hoặc 01 bàn chân và một trong các chân hoặc tay còn lại không toàn vẹn (cụt hoặc giảm chức năng). | Cụt hoặc mất chức năng 01 bàn tay hoặc 01 bàn chân và một trong các chân hoặc tay còn lại không toàn vẹn (cụt hoặc giảm chức năng). | - Cứng/dính một khớp lớn;  - Khớp giả ở một vị các xương lớn;  - Gù, vẹo cột sống quá mức gây ưỡn cột sống; cứng/dính cột sống ảnh hưởng tới chức năng vận động;  - Chiều dài tuyệt đối giữa hai chi trên hoặc hai chi dưới có chênh lệch từ 5 cm trở lên mà không có dụng cụ hỗ trợ;  - Cụt hoặc mất chức năng 02 ngón tay của 01 bàn tay trở lên hoặc cụt hoặc mất chức năng 01 bàn chân trở lên. |
| 8 | NỘI TIẾT |  |  | Đái tháo đường (tiểu đường) có tiền sử hôn mê do đái tháo đường trong vòng 01 tháng. |
| 9 | SỬ DỤNG THUỐC, CHẤT CÓ CỒN, MA TÚY VÀ CÁC CHẤT HƯỚNG THẦN | Sử dụng các chất ma túy | - Sử dụng các chất ma túy;  - Sử dụng chất có nồng độ cồn (áp dụng khi khám sức khỏe định kỳ). | - Sử dụng các chất ma túy;  - Sử dụng chất có nồng độ cồn (áp dụng khi khám sức khỏe định kỳ);  - Sử dụng thuốc điều trị làm ảnh hưởng tới khả năng thức tỉnh;  - Lạm dụng chất kích thần, chất gây ảo giác. |